



**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư  
và Xuất nhập khẩu Hóa chất**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

1500

**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận  
đăng ký kinh doanh**

Số 0100102414

ngày 15 tháng 4 năm 2010

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102414 ngày 2 tháng 12 năm 2013.

**Ban Giám đốc**

Ông Hoàng Mạnh Thắng  
Ông Nguyễn Hữu Tuyển  
Ông Nguyễn Trọng Hải

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

***Trụ sở chính***

Số 4, Phạm Ngũ Lão, phường Phan Chu Trinh  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Việt Nam

***Chi nhánh***

Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Vật tư  
và Xuất nhập khẩu Hóa chất tại Hải Phòng  
Số 3, Lê Lai, phường Lạc Viên  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng  
Việt Nam

***Chi nhánh***

Xí nghiệp Vật tư và Vận tải Hóa chất  
Số 154 Hà Huy Tập, Thị trấn Yên Viên  
Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 29 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Thay mặt Ban Giám đốc

Hoàng Mạnh Thắng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2015



**KPMG Limited**

46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower  
72-Storey Building, Plot E6, Pham Hung Street  
Me Tri, Tu Liem, Hanoi City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600  
Fax +84 (4) 3946 1601  
Internet www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi Nhà đầu tư**

**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến 29.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 6 tháng 3 năm 2014.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 14-02-279



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2015

Vũ Quốc Tuấn

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3074-2014-007-1

**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**Mẫu B01-DN**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2014 VND</b>	<b>31/12/2013 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>170.539.515.539</b>	<b>167.949.720.100</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>42.824.584.570</b>	<b>20.451.058.754</b>
Tiền	111		42.824.584.570	20.451.058.754
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>5</b>	<b>119.961.880.335</b>	<b>131.674.334.041</b>
Phải thu khách hàng	131		120.779.379.228	123.745.319.195
Trả trước cho người bán	132		940.129.943	9.671.496.738
Các khoản phải thu khác	135		263.114.110	1.228.261.054
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	23(b)(ii)	(2.020.742.946)	(2.970.742.946)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>6.769.528.414</b>	<b>12.189.805.541</b>
Hàng tồn kho	141		6.769.528.414	12.189.805.541
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>983.522.220</b>	<b>3.634.521.764</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		255.843.188	368.793.113
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		633.808.322	3.126.586.750
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	7	67.426.710	42.156.901
Tài sản ngắn hạn khác	158		26.444.000	96.985.000
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 260)	<b>200</b>		<b>9.706.685.917</b>	<b>11.546.985.133</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		27.236.525.918	27.236.525.918
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	23(b)(ii)	(27.236.525.918)	(27.236.525.918)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.492.086.254</b>	<b>11.015.602.424</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	9.492.086.254	10.837.823.420
Nguyên giá	222		27.278.067.153	27.092.191.598
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.785.980.899)	(16.254.368.178)
Tài sản cố định vô hình	227		-	4.872.206
Nguyên giá	228		45.000.000	45.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(45.000.000)	(40.127.794)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	-	172.906.798
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>214.599.663</b>	<b>531.382.709</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		214.599.663	531.382.709
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>180.246.201.456</b>	<b>179.496.705.233</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.*

**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B01-DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>144.942.004.663</b>	<b>145.837.067.377</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>144.689.027.313</b>	<b>145.587.090.027</b>
Vay ngắn hạn	311	10	101.810.658.597	99.333.543.160
Phải trả người bán	312	11	33.418.229.480	26.311.362.829
Người mua trả tiền trước	313		481.735.526	9.324.211.007
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	3.767.711.860	3.951.378.638
Phải trả người lao động	315		1.848.667.784	1.921.922.667
Các khoản phải trả khác	319	13	2.783.452.539	4.303.112.068
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		578.571.527	441.559.658
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>252.977.350</b>	<b>249.977.350</b>
Phải trả dài hạn khác	333		252.977.350	169.977.350
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	80.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>35.304.196.793</b>	<b>33.659.637.856</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>35.304.196.793</b>	<b>33.659.637.856</b>
Vốn góp	411	15	30.000.000.000	30.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417	14	1.966.468.117	1.966.468.117
Lợi nhuận chưa phân phối	420	14	3.337.728.676	1.693.169.739
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>180.246.201.456</b>	<b>179.496.705.233</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ - USD	273.971	286.088
Ngoại tệ - EUR	33.357	33.345

Ngày 10 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Phạm Ngọc Thúy  
 Phó phòng Kế toán – Tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Hiền  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hoàng Mạnh Thắng  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**  
**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Mẫu B02-DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>16</b>	<b>691.716.363.778</b>	<b>652.854.917.351</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>17</b>	<b>661.898.406.303</b>	<b>618.903.304.668</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>29.817.957.475</b>	<b>33.951.612.683</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	247.140.692	417.178.339
Chi phí tài chính	22	19	8.295.982.865	9.147.075.923
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>7.804.616.304</i>	<i>8.839.046.021</i>
Chi phí bán hàng	24		4.368.053.533	5.400.569.192
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.012.683.743	15.199.583.926
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>4.388.378.026</b>	<b>4.621.561.981</b>
Thu nhập khác	31	20	2.496.786.451	2.219.650.078
Chi phí khác	32	21	1.652.684.689	1.390.914.512
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>844.101.762</b>	<b>828.735.566</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>5.232.479.788</b>	<b>5.450.297.547</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>22</b>	<b>1.151.145.553</b>	<b>712,574,386</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>4.081.334.235</b>	<b>4.737.723.161</b>

Ngày 10 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Phạm Ngọc Thúy  
 Phó phòng Kế toán – Tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Hiền  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hoàng Mạnh Thắng  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.*



**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B03-DN

	Mã số	2014 VND	2013 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>5.232.479.788</b>	<b>5.450.297.547</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	1.652.080.967	1.799.644.058
Các khoản dự phòng	03	(950.000.000)	(1.200.000.000)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	26.793.866	(417.178.339)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(236.562.613)	-
Chi phí lãi vay	06	7.804.616.304	8.839.046.021
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>13.529.408.312</b>	<b>14.471.809.287</b>
Biến động các khoản phải thu	09	15.200.503.325	(16.212.935.583)
Biến động hàng tồn kho	10	5.420.277.127	(10.633.506.120)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(6.129.857.319)	5.074.306.560
Biến động chi phí trả trước	12	429.732.971	(612.343.153)
		<b>28.450.064.416</b>	<b>(5.524.258.941)</b>
Tiền lãi vay đã trả	13	(7.804.616.304)	(9.976.448.986)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(830.241.683)	(1.024.691.558)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>19.815.206.429</b>	<b>(18.913.809.553)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(177.324.694)	(479.896.785)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	38.181.818	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	247.140.692	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>107.997.816</b>	<b>(479.896.785)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.*

**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B03-DN**

	<b>Mã số</b>	<b>2014 VND</b>	<b>2013 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	422.375.841.734	421.762.634.776
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(419.898.726.297)	(405.448.380.220)
Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(460.351.063)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>2.477.115.437</b>	<b>15.853.903.493</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>22.400.319.682</b>	<b>(3.539.802.845)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>20.451.058.754</b>	<b>23.990.861.599</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền</b>	<b>61</b>	<b>(26.793.866)</b>	<b>-</b>
<b>Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>42.824.584.570</b>	<b>20.451.058.754</b>

Ngày 10 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Phạm Ngọc Thúy  
 Phó phòng Kế toán – Tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Hiền  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hoàng Mạnh Thắng  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất  
Thuyết minh báo cáo tài chính  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh là:

- Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị phụ tùng máy;
- Xuất nhập khẩu các phân bón hóa chất khác;
- Xuất nhập khẩu nguyên liệu phục vụ cho ngành hóa chất và các ngành kinh tế khác;
- Giao nhận hàng hóa;
- Vận tải đường sắt, đường bộ;
- Vận tải đường thủy;
- Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải;
- Kinh doanh bất động sản và cho thuê văn phòng;
- Sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa chất khác; và
- Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 60 nhân viên (31/12/2013: 60 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).



### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

#### **(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### **(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### **(e) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 16 năm
▪ phương tiện vận chuyển	7 – 15 năm

**(f) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

**(h) Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”)**

Hoạt động của mỗi bên trong BCC liên quan đến việc sử dụng tài sản và nguồn lực của mỗi bên để thực hiện BCC. Báo cáo tài chính ghi nhận tài sản mỗi bên kiểm soát và nợ phải trả phát sinh trong quá trình thực hiện BCC và chi phí mỗi bên phát sinh và phần lợi nhuận mỗi bên có được từ việc thực hiện BCC.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(k) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(I) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B09-DN**

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(n) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(o) Các công ty liên quan**

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ của Công ty, các công ty con và công ty liên kết của Công ty và công ty mẹ và các công ty khác như được định nghĩa trong các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam.



**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B09-DN**

**4. Tiền**

	<b>31/12/2014</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	589.654.845	406.435.225
Tiền gửi ngân hàng	42.234.929.725	20.044.623.529
	<hr/> 42.824.584.570	<hr/> 20.451.058.754

**5. Các khoản phải thu ngắn hạn**

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các công ty liên quan sau:

	<b>31/12/2014</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>
<b>Phải thu từ Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (“Công ty mẹ”)</b>		
Thương mại	-	6.422.168
<b>Phải thu từ các công ty liên quan khác</b>		
Thương mại	66.032.282.064	52.296.839.585
	<hr/> 66.032.282.064	<hr/> 52.296.839.585

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

**6. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2014</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>
Nguyên vật liệu	61.651.917	915.751.266
Công cụ và dụng cụ	100.409.149	-
Thành phẩm	804.199.872	1.015.356.672
Hàng hóa	5.803.267.476	10.258.697.603
	<hr/> 6.769.528.414	<hr/> 12.189.805.541

**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B09-DN**

**7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước có thể được hoàn lại:		
▪ Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	62.810.159	42.156.901
▪ Thuế nhà đất	4.166.551	-
▪ Thuế thu nhập cá nhân	450.000	-
	67.426.710	42.156.901

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	23.126.404.627	2.242.519.516	1.723.267.455	27.092.191.598
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	350.231.492	-	-	350.231.492
Thanh lý	-	(164.355.937)	-	(164.355.937)
Số dư cuối năm	23.476.636.119	2.078.163.579	1.723.267.455	27.278.067.153
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	13.137.064.160	1.482.878.919	1.634.425.099	16.254.368.178
Khấu hao trong năm	1.347.238.094	249.215.237	50.755.430	1.647.208.761
Thanh lý	-	(115.596.040)	-	(115.596.040)
Số dư cuối năm	14.484.302.254	1.616.498.116	1.685.180.529	17.785.980.899
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	9.989.340.467	759.640.597	88.842.356	10.837.823.420
Số dư cuối năm	8.992.333.865	461.665.463	38.086.926	9.492.086.254

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 9.488 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 6.864 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 971 triệu VND (31/12/2013: 1.200 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 10).

**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B09-DN**

**9. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2014</b> <b>VND</b>	<b>2013</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	172.906.798	-
Tăng trong năm	177.324.694	172.906.798
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(350.231.492)	-
Số dư cuối năm	-	172.906.798

**10. Vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2014</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>
Vay ngắn hạn	101.810.658.597	99.333.543.160

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>31/12/2014</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>
Khoản vay ngân hàng 1 (a)	VND	7,3%	8.826.926.161	11.349.748.895
Khoản vay ngân hàng 2 (a)	VND	6%	-	5.194.379.479
Khoản vay ngân hàng 3 (b)	VND	7,2%	15.923.572.918	57.011.618.886
Khoản vay ngân hàng 4 (a)	VND	7%	40.030.038.797	1.990.755.225
Khoản vay ngân hàng 5 (a)	VND	7,3%	20.257.822.234	-
Khoản vay ngân hàng 6 (a)	VND	7%	14.572.298.487	-
Vay cá nhân (a)	VND	12%	2.200.000.000	2.315.000.000
Công ty Cổ phần Tài chính Hóa chất Việt Nam (a)	VND	7,5%	-	21.472.040.675
			<b>101.810.658.597</b>	<b>99.333.543.160</b>

- (a) Các khoản vay ngân hàng và vay cá nhân không có tài sản đảm bảo.
- (b) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 971 triệu VND (31/12/2013: 1.200 triệu VND) (Thuyết minh 8).

**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B09-DN

**11. Phải trả người bán**

Trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	<b>31/12/2014</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>
Phải trả các công ty liên quan khác	4.243.488.472	1.615.163.717

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2014</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	105.692.911	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	462.572.995	141.669.125
Thuế thu nhập cá nhân	1.433.162	10.183.096
Tiền thuê đất	3.198.012.792	3.799.526.417
	<u>3.767.711.860</u>	<u>3.951.378.638</u>

**13. Các khoản phải trả khác**

	<b>31/12/2014</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>
Các khoản phải trả công ty mẹ	2.306.327.332	2.306.327.332
Các khoản phải trả, phải nộp khác	477.125.207	1.996.784.736
	<u>2.783.452.539</u>	<u>4.303.112.068</u>

Các khoản phải trả công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

**14. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013</b>	30.000.000.000	2.890.325.905	-	32.890.325.905
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	4.737.723.161	4.737.723.161
Chuyển trả công ty mẹ	-	-	(2.600.000.000)	(2.600.000.000)
Biến động khác	-	(923.857.788)	(444.553.422)	(1.368.411.210)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	30.000.000.000	1.966.468.117	1.693.169.739	33.659.637.856
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	4.081.334.235	4.081.334.235
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.693.169.739)	(1.693.169.739)
Biến động khác	-	-	(743.605.559)	(743.605.559)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	30.000.000.000	1.966.468.117	3.337.728.676	35.304.196.793

**15. Vốn góp**

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Vốn được duyệt và đã góp	
	VND	%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	30.000.000.000	100%

Vốn điều lệ được duyệt của Công ty đã được góp đầy đủ bởi Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B09-DN**

**16. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<b>2014</b> <b>VND</b>	<b>2013</b> <b>VND</b>
Bán hàng	679.324.945.910	642.196.071.735
Cung cấp dịch vụ	12.391.417.868	10.658.845.616
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	691.716.363.778	652.854.917.351

**17. Giá vốn hàng bán**

	<b>2014</b> <b>VND</b>	<b>2013</b> <b>VND</b>
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	658.424.607.257	618.613.034.107
Dịch vụ đã cung ứng	3.473.799.046	290.270.561
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	661.898.406.303	618.903.304.668

**18. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2014</b> <b>VND</b>	<b>2013</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	247.140.692	371.591.574
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	45.586.765
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	247.140.692	417.178.339

**19. Chi phí tài chính**

	<b>2014</b> <b>VND</b>	<b>2013</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	7.804.616.304	8.839.046.021
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	464.572.695	308.029.902
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	26.793.866	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	8.295.982.865	9.147.075.923

**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B09-DN

**20. Thu nhập khác**

	<b>2014</b> <b>VND</b>	<b>2013</b> <b>VND</b>
Thu nhập từ hoạt động cho thuê	2.496.786.451	2.219.650.078

**21. Chi phí khác**

	<b>2014</b> <b>VND</b>	<b>2013</b> <b>VND</b>
Chi phí cho hoạt động cho thuê	1.652.684.689	1.390.914.512

**22. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2014</b> <b>VND</b>	<b>2013</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b> Năm hiện hành	1.151.145.553	712.574.386

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2014</b> <b>VND</b>	<b>2013</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	5.232.479.788	5.450.297.547
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.151.145.553	1.362.574.386
Thu nhập không bị tính thuế	-	(650.000.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.151.145.553	712.574.386

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ phải nộp Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Việc tính toán thuế thu nhập của Công ty có thể thay đổi phụ thuộc vào các chấp thuận hoặc điều chỉnh của cơ quan thuế địa phương.

## 23. Các công cụ tài chính

### (a) Quản lý rủi ro tài chính

#### (i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

#### (ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

### (b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

#### Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

		31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng	(i)	42.234.929.725	20.044.623.529
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	119.021.750.392	122.002.837.303
		<hr/>	<hr/>
		161.256.680.117	142.047.460.832

#### (i) Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.



**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B09-DN**

**(ii) Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu là khoản phải thu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quá hạn từ 0 - 30 ngày	2.101.616.537	-
Quá hạn từ 31 - 180 ngày	1.515.849.962	-
	<hr/>	<hr/>
	3.617.466.499	-

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	30.207.268.864	31.407.268.864
Hoàn nhập	(950.000.000)	(1.200.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	29.257.268.864	30.207.268.864
Dự phòng nợ khó đòi - dài hạn (*)	(27.236.525.918)	(27.236.525.918)
	<hr/>	<hr/>
Dự phòng nợ khó đòi - ngắn hạn	2.020.742.946	2.970.742.946

(\*) Dự phòng nợ khó đòi dài hạn là khoản trích lập dự phòng cho Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Lưu Tấn Dũng. Công ty đang trích lập 100% cho khoản nợ quá hạn trên 3 năm theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng. Hiện tại Công ty và khách hàng đang đàm phán để xử lý khoản nợ khó đòi trên.

**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B09-DN**

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
<b>31/12/2014</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	36.201.682.019	36.201.682.019	36.201.682.019
Các khoản vay ngắn hạn	101.810.658.597	103.160.939.002	103.160.939.002
	<b>138.012.340.616</b>	<b>139.362.621.021</b>	<b>139.362.621.021</b>
<b>31/12/2013</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	30.614.474.897	30.614.474.897	30.614.474.897
Các khoản vay ngắn hạn	99.333.543.160	100.961.652.994	100.961.652.994
	<b>129.948.018.057</b>	<b>131.576.127.891</b>	<b>131.576.127.891</b>

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua hàng bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD và EUR.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B09-DN**

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Công ty có các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền	273.971	33.357	286.088	33.345
Phải trả người bán	(1.215.907)	-	(521.398)	-
	(941.936)	33.357	(235.310)	33.345

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2014	31/12/2013
USD/VND	21.373	21.085
EUR/VND	25.818	28.937

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND
<b>31/12/2014</b>	
USD (mạnh thêm 1% so với VND)	(248.376.684)
EUR (yếu đi 1% so với VND)	(6.717.533)
<b>31/12/2013</b>	
USD (mạnh thêm 1% so với VND)	(37.211.335)
EUR (mạnh thêm 1% so với VND)	7.236.782

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày báo cáo.

**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B09-DN**

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
• Nợ phải trả tài chính	(101.810.658.597)	(99.333.543.160)
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
• Tài sản tài chính	42.234.929.725	20.044.623.529

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 329 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty (31/12/2013: 150 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**(e) Giá trị hợp lý**

**So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
▪ Tiền	42.824.584.570	42.824.584.570	20.451.058.754	20.451.058.754
▪ Phải thu và phải thu khác	119.021.750.392	(*)	122.002.837.303	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
▪ Phải trả và phải trả khác	(36.201.682.019)	(*)	(30.614.474.897)	(*)
▪ Các khoản vay	(101.810.658.597)	(*)	(99.333.543.160)	(*)
	23.833.994.346	(*)	12.505.878.000	(*)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**24. Các giao dịch chủ yếu với các công ty liên quan**

Ngoài các số dư với các công ty liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các công ty liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tập đoàn Hóa chất Việt Nam</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.112.858.181	1.102.254.545
<b>Công ty TNHH Một thành viên Apatit Việt Nam</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	65.756.419.258	45.612.264.808
<b>Công ty Cổ phần Ác quy Tia sáng</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	95.457.406.579	91.627.427.322
<b>Công ty Cổ phần Pin Ác quy Vĩnh Phú</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	30.997.057.117	22.519.353.350
<b>Công ty Cổ phần Cao su Sao vàng</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	19.117.663.777	18.930.005.217
<b>Công ty TNHH Một thành viên Đạm Ninh Bình</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	16.054.054.480	8.007.202.500
Mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ	30.570.351.480	100.000.000
<b>Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng</b>		
Mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.783.322.460	4.007.836.986
<b>Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	128.034.660.779	11.643.093.045

**Công ty TNHH Một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B09-DN

**25. Các khoản tiềm ẩn**

Theo Thông báo nộp tiền thuê đất đợt 1 và đợt 2 năm 2014 của Chi cục thuế huyện Gia Lâm về việc nộp tiền thuê đất của Xí nghiệp Vật tư Vận tải Hóa chất (“Xí nghiệp”), một đơn vị phụ thuộc của Công ty, số tiền thuê đất cho năm 2013 và 2014 của Xí nghiệp tương ứng là 2.280.788.943 VND và 1.565.486.446 VND.

Theo Khoản đ Điều 2 của Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 7 tháng 1 năm 2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu (“Nghị quyết 02”), các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho thuê đất được giảm 50% tiền thuê đất năm 2013, năm 2014 nếu số tiền thuê đất phải nộp theo quy định tại Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ tăng quá 2 lần so với mức nộp năm 2010; trường hợp tiền thuê đất sau khi được giảm vẫn lớn hơn 2 lần so với tiền thuê đất phải nộp của năm 2010 thì được giảm tiếp tiền thuê đất đến mức bằng 2 lần tiền thuê đất phải nộp của năm 2010.

Ban Giám đốc Công ty nhận thấy Xí nghiệp đáp ứng các yêu cầu để được giảm tiền thuê đất theo quy định của Nghị quyết 02. Vì vậy, Công ty đã ghi nhận chi phí tiền thuê đất cho năm 2013 và 2014 trên sổ sách kế toán với số tiền tương ứng là 764.498.410 VND và 870.254.375 VND dựa trên hướng dẫn của Nghị quyết 02 mà không ghi nhận theo Thông báo nộp tiền thuê đất từ Chi cục thuế huyện Gia Lâm.

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang làm việc với các cơ quan liên quan để hoàn thiện thủ tục giảm tiền thuê đất cho các năm 2013 và 2014 của Xí nghiệp. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng các thủ tục này sẽ sớm được hoàn thành và Công ty sẽ không phải thanh toán phần chênh lệch giữa số đã ghi nhận và Thông báo nộp tiền thuê đất.

**26. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	2014 VND	2013 VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	663.091.194.184	608.016.989.395
Chi phí nhân công	8.165.727.089	9.144.890.549
Chi phí khấu hao	1.652.080.967	1.799.644.058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.531.391.566	7.918.084.189
Chi phí khác	2.505.336.700	2.027.804.883

Ngày 10 tháng 3 năm 2015

Người lập:

Phạm Ngọc Thúy  
Phó phòng Kế toán – Tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Hiền  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hoàng Mạnh Thăng  
Tổng Giám đốc